

Số: 28/2021/QĐST-HNGĐ

Cái Bè, ngày 26 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 840/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Anh **TRẦN QUỐC C**, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **NGUYỄN THỊ T**, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang và anh **TRẦN QUỐC C**, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc C cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Trần Quốc T sinh ngày 20/5/2005 và cháu Trần Quốc Q, sinh ngày 05/3/2009 cho chị Tuyên nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/ cháu (tức là hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu) cho đến khi 02 cháu trưởng thành tròn 18 tuổi. Bắt đầu

thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi quyết định có hiệu lực. Riêng đối với cháu Trần Thị Lê Q, sinh ngày 21/11/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị T có yêu cầu thi hành án đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con nếu anh C chậm trả thì anh còn phải trả lại đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0004608 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị T đã thi hành xong.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Xuân Lam